TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 512/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân;

Bà Lê Bích Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hô*n" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 745/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 791/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 55-66/4, tổ 12, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số nhà 55-66/4, tổ 12, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông H, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Phan Văn H trình bày: Hôn nhân của ông và bà Nguyễn Thị T là do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 27/7/2011. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, một phần do công việc ông H thường xuyên vắng nhà, vợ chồng ít tâm sự qua lại. Cho đến năm 2019, bà T bỏ đi làm thuê và không liên lạc với cha con ông H cho đến nay. Bà T có về thăm con nhưng ông H, bà T không quan tâm đến nhau, không ai nói chuyện với ai.

Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Phan Văn Tấn Đ, sinh ngày 04/10/2011, hiện cháu Đ sống với ông H. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì bà T vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản xác minh ngày 26/10/2022 người thân ông H cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông H và bà T là do ông H đi làm thuê, thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng H ít quan tâm qua lại, cho đến năm 2019 thì bà T và ông H sống ly thân cho đến nay, đôi khi có liên lạc qua lại nhưng chỉ là để thăm hỏi con chung chứ bà T và ông H không nói chuyện với nhau, theo bà thì ông H và bà T không có khả năng đoàn tụ; về con chung thì có một con chung đang sống với ông H; tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Biên bản xác minh ngày 28/10/2022, ông Nguyễn Văn T – Trưởng Công an xã Đ cung cấp cho Tòa án hiện bà Nguyễn Thị T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay: Ông H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của ông H, bà T có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt và xét thấy cháu Phan Tấn Đ, sinh ngày 04/10/2011 có nguyện vọng sống với ông Phan Văn H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H và nguyện vọng của cháu Đ, giao con chung cho ông H được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do ông H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông H.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Hiếu yêu cầu được ly hôn với bà T. Bà T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng chứng nhận đăng ký kết hôn số: 127/HT vào ngày 27/7/2011 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T phát sinh từ năm 2019 nhưng đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn. Hiện tại ông H và bà T đã sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng bà T không có mặt để hàn gắn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung: Cháu Phan Văn Tấn Đ, sinh ngày 04/10/2011 hiện cháu Đ sống với ông H. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản ghi lời khai, cháu Đ có nguyện vọng được sống chung với ông H. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho ông H được tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét thấy nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết: Ông H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông H phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127/HT, ngày 27/7/2011 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Phan Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Văn Tấn Đ, sinh ngày 04/10/2011.

Công nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Phan Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng mà ông Hiếu đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007156 ngày 30/9/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang